

# Một số vấn đề đặt ra cho phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu

Trương Quang Học\*

*Viện Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 10 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 11 năm 2016

**Tóm tắt:** Trong hơn 20 năm phát triển theo hướng bền vững, Việt Nam đã thu được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa xứng tầm với tiềm năng của đất nước: Phát triển chưa bền vững trong cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và đặc biệt là về môi trường. Năm 2015 là một năm bước ngoặt của thế giới trong phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu: 4 hiệp định toàn cầu của Liên Hiệp Quốc đã được thông qua (Khung Hành động Sendai về giảm thiểu rủi ro thiên tai, Chương trình Hành động Addis Ababa, Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững và Thỏa thuận Paris về khí hậu). Các hiệp định khu vực quan trọng cũng đang được triển khai và xây dựng (Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP, Hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN...). Trong bối cảnh mới đó, Việt Nam, bên cạnh những cơ hội, cũng đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhất là về mặt môi trường: biến đổi khí hậu gia tăng, môi trường và tài nguyên suy thoái; Gia tăng về nhu cầu sử dụng năng lượng... Trên cơ sở phân tích thực trạng, tồn tại, thách thức của phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu và đổi mới của đất nước hiện nay, bài báo đã đề xuất một số giải pháp mang tính chiến lược để giải quyết vấn đề theo hướng tăng trưởng xanh, bao gồm: Đổi mới tư duy; Hoàn thiện thể chế chính sách; Đổi mới công tác quy hoạch; Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; Phát triển cách tiếp cận hệ thống-liên ngành/dựa trên hệ sinh thái trong hoạch định chính sách và quản lý phát triển; Phát triển hệ thống giám sát-đánh giá khách quan, đảm bảo tính minh bạch trong toàn hệ thống xã hội; Phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học-công nghệ/đổi mới sáng tạo, để tạo ra các động lực mới cho sự phát triển của đất nước, để xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, Chương trình nghị sự 2030.

## 1. Đặt vấn đề

Qua hơn 20 năm phát triển bền vững (PTBV), mô hình phát triển của thế giới vẫn là kinh tế “nâu”, phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, nhiên liệu hóa thạch, gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và mất cân

bằng sinh thái. Gần đây, trên phạm vi toàn cầu lại liên tiếp xảy ra những cuộc khủng hoảng mới, trong đó biến đổi khí hậu (BĐKH) được cho là thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21. Cuộc chiến chống BĐKH còn rất cam go, căng thẳng (nhất là từ sau COP 13, 2007), và cho đến nay (tại COP 21, 2015, COP 22, 2016) cộng đồng quốc tế mới có được Thỏa thuận lịch sử toàn cầu về ứng phó với BĐKH, đánh dấu bước đột phá quan trọng trong nỗ lực

\*ĐT.: 84-913247972

Email: hoctruongquang@gmail.com

của Liên hợp quốc (LHQ) suốt hơn hai thập kỷ qua nhằm thuyết phục Chính phủ các nước hợp tác để giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, hạn chế việc gia tăng nhiệt độ, với mức nhiệt độ của Trái đất đến năm 2100 không tăng quá ngưỡng  $2^{\circ}\text{C}$  và cố gắng tiến tới ngưỡng thấp hơn  $1,5^{\circ}\text{C}$  so với vời tiền công nghiệp.

Trong bối cảnh đó, LHQ đã đưa ra Chương trình nghị sự 2030, gồm có 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể về phát triển bền vững. Các mục tiêu trong Chương trình nghị sự 2030 được xem như là định hướng mang tính toàn cầu và mỗi quốc gia cần phải đặt ra các mục tiêu phù hợp với bối cảnh của quốc gia để thực hiện. Đồng thời, các quốc gia cũng sẽ phải quyết định cách thức thực hiện và lồng ghép những chỉ tiêu PTBV toàn cầu vào quá trình lập kế hoạch và xây dựng các chiến lược, chính sách của quốc gia [1, 2].

Tại Hội nghị PTBV của LHQ (2015) Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã khẳng định “Việt Nam nhiệt liệt ủng hộ Chương trình Nghị sự 2030 và cam kết sẽ làm hết sức, sẽ tập trung mọi nguồn lực cần thiết, huy động tất cả các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cộng đồng và người dân để thực hiện thành công Chương trình nghị sự 2030 và các mục tiêu PTBV”.

Theo đó, Việt Nam cần phải có những đổi mới thực sự và sâu sắc để PTBV đất nước, mà trước hết là xây dựng và triển khai tốt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (LHQ).

## 2. Bối cảnh quốc tế

### 2.1. Hai thập kỷ phát triển bền vững và 15 năm thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ

Hội nghị thượng đỉnh Trái đất về môi trường và phát triển tại Rio de Janeiro, Braxin (Rio-92) đã ký kết 5 văn kiện quan trọng, trong đó có Chương trình nghị sự 21 đặt nền móng cho PTBV trên phạm vi toàn cầu.

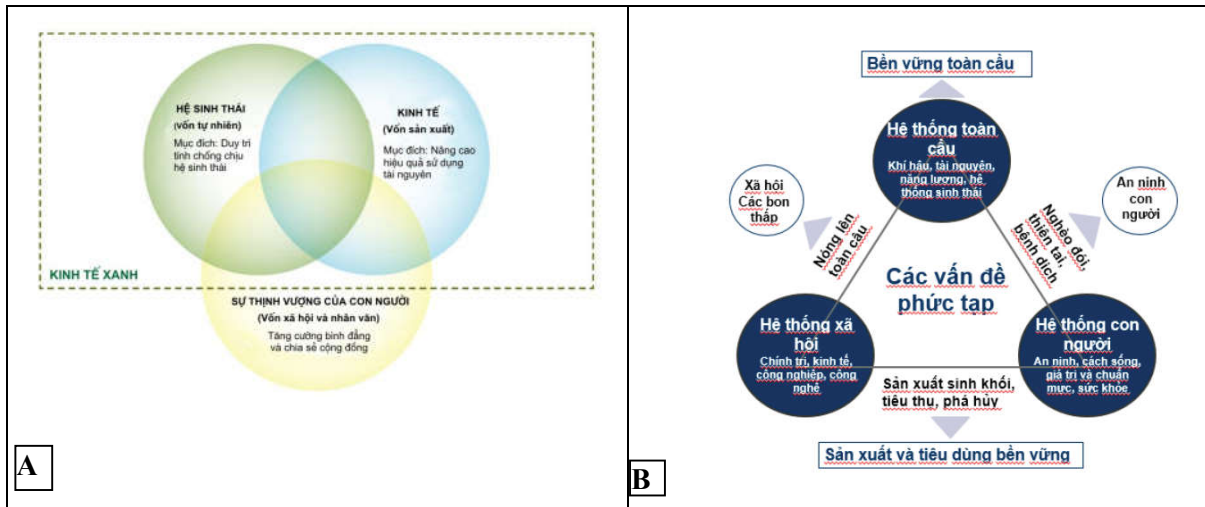
Sau 20 năm thực hiện, *Hội nghị Thượng đỉnh của LHQ về Phát triển bền vững* (Rio+20,

2012) đã tổng kết những kết quả của Thế giới về PTBV, mà trước hết là thực hiện 8 Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs), đã chỉ ra rằng, sau hai thập kỷ phát triển, các quốc gia trên thế giới đã đạt được những bước tiến ngoài mong đợi với sự ra đời của một loạt thể chế tài chính quốc tế và các tổ chức khu vực hỗ trợ cho công cuộc phát triển chung, đã có nhiều ví dụ về phát triển bền vững thành công trong các lĩnh vực như năng lượng, nông nghiệp, quy hoạch đô thị, sản xuất và tiêu dùng, tuy nhiên vẫn chưa đạt được các kết quả bền vững như mong muốn.

Bên cạnh những thành tựu này, cũng còn nhiều khó khăn thách thức trong tiến trình PTBV. Sự phát triển vẫn theo mô hình kinh tế “nâu”, gây hủy hoại môi trường, suy thoái tài nguyên, gia tăng phát thải khí nhà kính (KNK) gây BĐKH. Gần đây, nhân loại lại phải đối mặt gay gắt với các cuộc khủng hoảng mới mà quan trọng nhất là cuộc khủng hoảng khí hậu/BĐKH.

Về MDGs, trong hơn 15 năm thực hiện vừa qua, thế giới đã đạt được nhiều thành tựu, tiến bộ trên mọi lĩnh vực như giảm một nửa tình trạng đói nghèo cùng cực, đạt được kết quả khả quan trong phòng chống bệnh sốt rét, giảm bất bình đẳng giới và tiếp cận nguồn nước sạch cho 2,3 tỷ người [3]. Tuy nhiên, ở cấp độ toàn cầu, nhiều chỉ tiêu nhỏ trong các MDGs chưa được hoàn thành, đặc biệt trong bối cảnh một thế giới đầy biến động về chính trị-xã hội tại khu vực Trung Đông- Bắc Phi, BĐKH và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đồng thời, các vấn đề an ninh mới toàn cầu đe dọa tới môi trường, sức khỏe, an ninh, kinh tế-xã hội ngày càng nổi lên, đòi hỏi nỗ lực chung của các quốc gia nhằm củng cố những thành tựu MDGs đã đạt được và giải quyết các thách thức hiện nay [3].

Trong bối cảnh đó, Hội nghị đã đặt nền móng cho kinh tế xanh (KTX)/tăng trưởng xanh (TTX) nhằm cải thiện phúc lợi con người, công bằng xã hội, giảm các rủi ro môi trường, bảo tồn vốn tự nhiên để vừa ứng phó với BĐKH vừa PTBV. Nói cách khác, tăng trưởng xanh là một con đường hướng tới PTBV [4] (Hình 2).



Hình 2. Sơ đồ kinh tế xanh (A) và đối tượng nghiên cứu của Khoa học bền vững (B).

Về mặt giáo dục, một ngành khoa học mới - Khoa học bền vững (KHBV) ra đời và được cho là ngành học chỉ ra con đường hướng tới một xã hội bền vững với sự công bằng giữa các thế hệ như chúng ta mong muốn. KHBV nghiên cứu mối quan hệ giữa 3 hệ thống toàn cầu, xã hội và con người và những rủi ro đi kèm đối với đời sống và an ninh của con người. Cũng giống như trong PTBV, KHBV lấy liên ngành/xuyên ngành là cách tiếp cận chủ đạo [5, 6] (Hình 2).

2.2. Từ mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến mục tiêu phát triển bền vững

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

Sau Hội nghị Rio+20, LHQ đã có hơn 2 năm (2012-2015) với 3 kênh chuẩn bị để xây dựng Chương trình Nghị sự 2030.

i) Kênh Đại Hội đồng LHQ: đến tháng 1/2013, Đại hội đồng LHQ Khóa 67 đã ra Nghị quyết thành lập Nhóm làm việc xây dựng mục tiêu của PTBV (SDGs). Nhóm này gồm 70 đại diện quốc gia có nhiệm vụ xây dựng một Báo cáo đề xuất SDGs.

ii) Kênh Tổng thư ký LHQ: Tổng thư ký đã thành lập Nhóm cố vấn đặc biệt gồm các lãnh đạo, chuyên gia cấp cao (High Panel of Eminent Persons), gồm 47 người đại diện các chính phủ, nhóm tư nhân, xã hội dân sự); Nhóm

này gồm tất cả các tổ chức của LHQ để thảo luận xây dựng Chương trình Nghị sự 2030.

iii) Kênh Tham vấn quốc gia: tại 83 nước; Kênh thảo luận theo 11 chủ đề về phát triển bền vững và kênh đóng góp ý kiến qua website: “Million voices: the World We Want”.

iv) Ngoài ra, còn các kênh đóng góp từ Hội nghị các bên Công ước khung về Biến đổi khí hậu (COP21 tại Paris lần này đã thông qua về khung hợp tác mới sau 2020); Kênh Hội nghị về tài chính cho phát triển (FfD) và các kênh đóng góp của các tổ chức quốc tế, xã hội dân sự cho tiến trình này [2].

Sau 18 tháng thu thập ý kiến đóng góp sâu rộng của các bên liên quan và thảo luận liên chính phủ tại LHQ, Nhóm làm việc (OWG) hoàn thiện Văn kiện cuối cùng về SDGs vào tháng 7/2014, bao gồm 17 Nhóm mục tiêu chung (Goals) và 169 mục tiêu cụ thể (Targets). Vấn đề môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu tiếp tục là các ưu tiên trong SDGs, có mặt trong 15/17 Mục tiêu chung và 32/169 mục tiêu cụ thể [2].

Từ 25-27/9/2015, LHQ tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Phát triển bền vững với hơn 150 nhà lãnh đạo toàn cầu tham dự.

Hội nghị đã chính thức thông qua một chương trình hành động phát triển bền vững

mới đầy tham vọng - Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV 2030: “Thay đổi thế giới của chúng ta”: Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV 2030 (*Transforming Our World: 2030 Agenda*

*for Sustainable Development*) bao gồm một bản tuyên bố (Declaration), 17 mục tiêu chung (SDGs) và 169 mục tiêu cụ thể (targets)[1] (Hình 3).



Hình 3. 17 mục tiêu phát triển bền vững cho giai đoạn 2016-2030 (UN, 2015b).

i) Sự khác biệt của Chương trình nghị sự 2030

Có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn, toàn diện, vì lợi ích của mọi người dân trên toàn thế giới, cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Chương trình đã đưa ra tầm nhìn cho giai đoạn 15 năm tới với 17 mục tiêu chung PTBV và 169 mục tiêu cụ thể, định hướng phương thức thực hiện, các quan hệ đối tác toàn cầu và các hành động tiếp nối.

Chương trình nghị sự năm 2030 đề xuất phương pháp tiếp cận toàn diện, cân bằng và tích hợp các khía cạnh PTBV đối với các chiến lược phát triển (5P: con người, đối tác, thịnh vượng, hành tinh).

ii) Các nguyên tắc của Chương trình Nghị sự (CTNS) 2030. Năm nguyên tắc xây dựng

CTNS 2030 gồm: i) Quyền làm chủ quốc gia, ii) Cách tiếp cận bao trùm và cùng tham gia, iii) Tính phổ quát, iv) Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, v) Cách tiếp cận dựa trên nhân quyền, vi) Cách tiếp cận tích hợp để PTBV [1, 2].

iii) Sự khác biệt giữa MDGs và SDGs

Về các lĩnh vực, mục tiêu, quy mô và tài chính: SDGs dựa trên 6 lĩnh vực: Nhân phẩm, Con người, Thịnh vượng, Hành tinh của chúng ta, Công lý và Quan hệ đối tác. Như vậy, SDGs có nhiều hơn 2 lĩnh vực so với MDGs là Công lý và Thịnh vượng. MDGs có 08 mục tiêu, tập trung chủ yếu vào trụ cột xã hội, SDGs có 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể. Quy mô tài chính để thực hiện MDGs ở cấp tỷ USD, trong khi tài chính cho SDGs cần hàng nghìn tỷ USD (ví dụ tài chính cho giảm nghèo đối cần

khoảng 66 tỷ 3 USD/năm, trong khi đó tài chính cho xây dựng cơ sở hạ tầng cần khoảng 7 ngàn tỷ).

*Về tổ chức triển khai thực hiện:* Trong thực hiện MDGs, trước 2015, có hai quá trình song song: Thực hiện MDGs, tập trung nhiều vào khía cạnh xã hội với xóa nghèo và PTBV, tập trung vào sự bền vững về môi trường. Trong đó, Chính phủ đóng vai trò chính và Tăng cường hợp tác giữa các nước phát triển và đang phát triển.

Hiện nay, trong thực hiện SDGs chỉ có một CTNS 2030 toàn diện, phổ quát duy nhất, với các mục tiêu: i) Hoàn tất công việc còn dang dở của MDGs và không để ai bị bỏ lại phía sau; ii) Tiếp tục thực hiện PTBV với quan điểm tích hợp và cân bằng tất cả các khía cạnh chính; với cách tiếp cận “toàn thể xã hội” và “toàn thể chính phủ” và huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực trong nước để thực hiện CTNS 2030.

Chương trình nghị sự 2030 cung cấp một khung khổ toàn cầu mới để tất cả các quốc gia tập trung, điều phối và hợp nhất tốt hơn các nỗ lực của mình khi hoạt động hướng tới mục tiêu PTBV và xóa đói giảm nghèo ở mọi hình thức. 17 mục tiêu PTBV mới là hệ thống tổng quát các mục tiêu, chỉ tiêu và chỉ số mà dự kiến các quốc gia thành viên LHQ sẽ sử dụng để xây dựng các kế hoạch và chính sách phát triển quốc gia trong vòng 15 năm tới [2].

### 3. Bối cảnh trong nước

#### 3.1. Khái quát về 30 năm đổi mới theo hướng phát triển bền vững

*Việt Nam đã có hơn 30 năm đổi mới, nhất là sau khi Agenda 21 của Việt Nam (2004) và Chiến lược PTBV Việt Nam được ban hành (2012) và đã thu được nhiều thành tựu đáng kể trong cả ba trụ cột về kinh tế, xã hội và môi trường, và đã được tổng kết trong các Hội nghị PTBV toàn quốc lần thứ nhất (12.2004), lần thứ hai (5/2006) và lần thứ ba (1/2011) [7, 8].*

Đánh giá một cách tổng thể, trong thời gian qua, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được giữ vững, thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia được kiểm soát trong giới hạn an toàn. Những thành quả đạt được về kinh tế đã tạo nguồn lực cho việc giải quyết thành công hàng loạt các vấn đề xã hội: xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, hoàn thành các Mục tiêu Thiên niên kỷ nhằm nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống người dân.

Các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội (KT – XH) đã gắn kết với bảo vệ môi trường (BVMT) về các mặt thể chế chính sách, tổ chức - quản lý, xã hội hoá và hợp tác quốc tế. Bằng cách lồng ghép các mục tiêu PTBV vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển KT - XH nói chung và của các ngành nói riêng đồng thời huy động sự tham gia của toàn dân kết hợp với sự hỗ trợ quốc tế, tính bền vững của sự phát triển hay nói cách khác là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 trụ cột: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sao cho vừa đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, vừa không được phép làm tổn hại đến lợi ích và việc đáp ứng các nhu cầu của những thế hệ mai sau, ngày càng được xác lập và khẳng định trong thực tế.

Tuy nhiên cũng cần nhấn mạnh rằng những thành tựu đạt được nêu trên chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Kinh tế phát triển chưa bền vững. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ, đất nước vẫn phải đối mặt với rất nhiều vấn đề về ô nhiễm môi trường, thậm chí hủy hoại và lãng phí tài nguyên thiên nhiên, lãng phí nguồn lực, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa trong thời gian tới [9, 10].

*Về thực hiện MDGs:* Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước đi đầu trong việc thực hiện MDGs. Việt Nam đã

hoàn thành 5/8 các mục tiêu, trong đó, có 3 mục tiêu đạt trước thời hạn về giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học và về bình đẳng giới. Có 3 mục tiêu tiệm cận là: giai đoạn 1990-2015 giảm tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi đạt 50% (mục tiêu giảm 2/3); tử vong ở bà mẹ giảm gần ba phần tư (mục tiêu giảm 3/4); đạt thành tựu trong ngăn chặn lây lan bệnh dịch HIV/AIDS, lao, sốt. Hai mục tiêu còn lại khá khó khăn đó là đảm bảo môi trường bền vững và thiết lập mối quan hệ toàn cầu vì phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần phải có rất nhiều nỗ lực để thực hiện những phần còn lại của mục tiêu mà chúng ta còn gặp nhiều khó khăn để đẩy lùi sự lây lan của HIV/AIDS, hoặc là vấn đề bảo vệ môi trường và hợp tác phát triển [11].

### 3.2. Những cơ hội và khó khăn, thách thức đặt ra cho sự phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu hiện nay

Trong bối cảnh biến đổi toàn cầu chung hiện nay, năm 2015-2016 là năm những thay đổi quan trọng, năm có 4 Hiệp định toàn cầu của Liên Hiệp Quốc được nhất trí thông qua: i) Khung Hành động Sendai: giảm thiểu rủi ro thiên tai; ii) Chương trình Hành động Addis Ababa: Hỗ trợ thực thi SDGs; iii) Chương trình nghị sự 2030 về PTBV và iv) Thỏa thuận Paris về khí hậu và Chương trình hành động Marrakech thực hiện Thỏa thuận Paris. Trong đó, Chương trình nghị sự 2030 cung cấp tầm nhìn tổng quát cũng như khung hành động toàn cầu cho các chiến lược và chính sách quốc gia nhằm hướng tới một thế giới bền vững, và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu là một bức ngoặt của Nhân loại trong cuộc chiến ứng phó BĐKH. Bên cạnh đây, Cộng đồng ASEAN cũng đã được hình thành (12.2015) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) cũng đang trong quá trình về đích. Bối cảnh này tạo ra cho Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức.

*Cơ hội:* Bối cảnh toàn cầu hiện nay tạo ra cho chúng ta nhiều cơ hội để phát triển: cơ hội để hội nhập, cơ hội để phát triển nguồn lực, nhất là nguồn lực về khoa học-công nghệ và tài chính.

*Khó khăn, thách thức:* Đồng thời cũng đặt ra cho chúng ta nhiều khó khăn, thách thức về thể chế, công nghệ, nhân lực, huy động và phân bổ nguồn lực tài chính để giải quyết các vấn đề sau:

a. *Biến đổi khí hậu gia tăng:* Việt Nam được cho là một trong số rất ít quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu [12]. BĐKH tác động tới tất cả các vùng, miền, các lĩnh vực về tài nguyên, môi trường và KT-XH, sinh kế, trong đó tài nguyên nước, nông nghiệp, y tế - sức khỏe, an ninh môi trường, vùng ven biển và hai đồng bằng sẽ chịu tác động mạnh mẽ nhất. Trong thời gian qua, BĐKH đã hiện hữu ngày càng rõ rệt, nhất là sự gia tăng thiên tai và đã gây nhiều thiệt hại về người và của cho nhiều khu vực, đặc biệt là ở ven biển miền Trung. Trong hơn 30 năm qua, tại Việt Nam, bình quân mỗi năm, thiên tai đã làm chết và mất tích khoảng 500 người, bị thương hàng nghìn người, thiệt hại về kinh tế vào khoảng 1,5 % GDP, cao hơn so với khoảng 1 % GDP đối với các nước có thu nhập trung bình, và khoảng 0,3 % GDP đối với các nước có thu nhập thấp. Từ 1989 tới nay, số người chết (tổng thương xã hội), tổng thiệt hại kinh tế (tổng thương về kinh tế) và do các thiên tai ở Việt Nam diễn biến phức tạp, nhưng về tổng thể có xu hướng tăng lên cùng với tăng GDP.

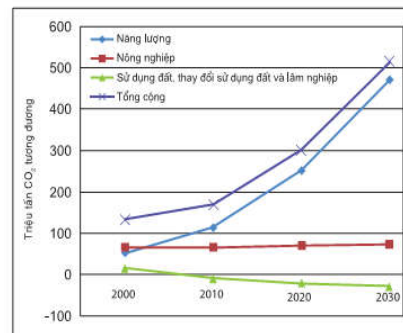
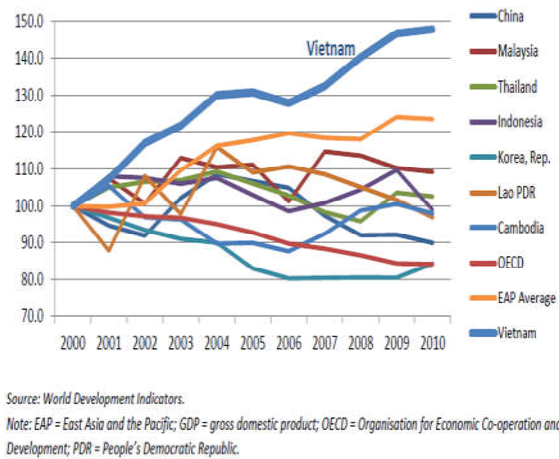
Tại COP 21 (2015) và COP 22 (2016), đóng góp quốc gia tự quyết định (INDC) của Việt Nam đã cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường vào năm 2030 bằng nguồn lực trong nước và có thể giảm tiếp đến 25% nếu nhận được sự hỗ trợ quốc tế từ các hợp tác song phương và đa phương. Theo đó, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về khí hậu, gồm 5 nhóm nhiệm vụ: i) Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; ii) Nhiệm vụ thích ứng với BĐKH; iii) Nhiệm vụ chuẩn bị nguồn lực; iv) Nhiệm vụ thiết lập hệ thống công khai, minh bạch; v) Nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế. Để triển khai Kế hoạch này, bên cạnh những cơ hội để phát triển và hội nhập, chúng ta cũng gặp nhiều thách

thức trong hoạch định chính sách, phát triển nguồn lực và tổ chức thực hiện...[13]

*b. Suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên:*

Môi trường bị suy thoái kéo dài do hậu quả của chiến tranh để lại (bom mìn và chất độc da cam/dioxin) và quá trình phát triển KT-XH hiện

nay là một thách thức rất nghiêm trọng khác đối với Việt Nam trong tiến trình PTBV. Trong thời gian qua, do những nguyên nhân khác nhau, tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước, tài nguyên sinh vật bị suy thoái nghiêm trọng. Trong một số địa phương, tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản đã bị khai thác đến mức cạn kiệt hoặc rất lãng phí [7, 9, 10].



**Biểu đồ 2.6. Phát thải khí nhà kính năm 2000 ở 3 lĩnh vực chính và dự tính phát thải cho các năm 2010, 2020 và 2030**

Nguồn: Thông báo quốc gia lần thứ hai, Bộ TN&MT, 2010

Hình 5. Cường độ phát thải năng lượng và CO<sub>2</sub> của một số quốc gia, 2000-2010 (phải) [3, 14], và Phát thải KNK của Việt Nam năm 2000 và dự tính cho năm 2020 và 2030 [15].

*c. Gia tăng nhu cầu năng lượng*

Sử dụng năng lượng tại Việt Nam đang tăng nhanh hơn so bất kỳ nước nào trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực phát điện. Theo xu hướng và chính sách hiện hành, tỷ trọng than sử dụng cho phát điện sẽ tăng từ 17% năm 2010 lên gần 60% vào năm 2030, và 80% than sẽ được nhập khẩu [3]. Cường độ tiêu thụ năng lượng ở Việt Nam được đánh giá ở những mức cao nhất thế giới, mà lý do chính là sử dụng năng lượng kém hiệu quả. Các chính sách năng lượng được áp dụng tại Việt Nam trong vài năm tới - liên quan đến hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo, và khí đốt tự nhiên - sẽ phần lớn quyết định hướng phát triển của ngành năng lượng, và các vấn đề liên quan đến an ninh năng lượng, ô nhiễm không khí, và lượng phát thải khí nhà kính [3].

*d. Trình độ phát triển, hiệu quả sản xuất và tiêu dùng thấp:* Trình độ phát triển của Việt Nam nói chung còn thấp, bị tụt hậu so với nhiều nước sau nhiều năm chiến tranh ác liệt kéo dài. Trình độ phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN) (nhất là Nghiên cứu & Triển khai và chuyển giao công nghệ) còn thấp. Hệ thống pháp luật đang trong thời kỳ chuyển đổi còn chưa đồng bộ, chưa thật phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hướng tới tăng trưởng xanh. Chi phí môi trường không thể hiện đầy đủ trong chi phí sản xuất. Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý còn chia cắt chưa phù hợp với sự phát triển trong liên kết của đất nước, trong hội nhập, cần có những chỉnh sửa rất mạnh mẽ.

Các mô hình sản xuất và tiêu dùng còn chưa tuân thủ chính sách “thân thiện với môi trường”. Trong tiêu dùng, lối sống hưởng thụ, tiêu xài lãng phí vẫn còn phổ biến ở một bộ phận dân cư, nhất là ở thành thị [3, 9, 10, 16].

### 3.3. Khuyến nghị: Để có thể PTBV đất nước trong bối cảnh hội nhập hiện nay xin có một số khuyến nghị như sau:

1. Phục hồi và duy trì chất lượng môi trường, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, các dịch vụ hệ sinh thái và chất lượng cuộc sống.

Việt Nam hiện đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế, cần phải sử dụng tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường. Từ nay đến năm 2030, tốc độ tăng thu nhập, đô thị hóa và công nghiệp hóa làm tăng áp lực đối với các nguồn tài nguyên đất, nước, sinh vật và năng lượng. Nâng cao chất lượng môi trường là một yếu tố quan trọng đối với sự chuyển đổi cơ cấu của các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, cũng như các ngành sản xuất khác. Để đạt được những mục tiêu này, cần phải đẩy mạnh, và sáng tạo trong việc giải quyết những vấn đề về môi trường đối với tăng trưởng. Nếu không hành động, sẽ hạn chế tăng trưởng và suy giảm điều kiện sống như đã xảy ra ở một số quốc gia khác giống như Trung Quốc, nơi mà ô nhiễm không khí ước tính gây ra 1,6 triệu ca tử vong mỗi năm, chiếm khoảng 17% số người chết ở nước này [3].

2. Tăng cường khả năng chống chịu khí hậu và tích hợp vào công tác lập kế hoạch phát triển để giảm tính dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH ngày càng nghiêm trọng.

Việt Nam nếu không tính đến những thay đổi tiềm tàng về nhiệt độ, lượng mưa, nước biển dâng, sự gia tăng thiên tai và các biểu hiện khác của BĐKH cũng như tác động của chúng tới kết cấu hạ tầng và con đường phát triển xã hội để tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu, và nếu không tăng cường năng lực ứng phó có thể dẫn đến tính dễ bị tổn thương nghiêm trọng cho nền kinh tế.

Để thích ứng với BĐKH, nhà nước cần quản trị tốt hơn thông qua sự phối hợp giữa nhiều cơ quan và các cấp chính quyền trong các kế hoạch, chiến lược tổng thể, đặc biệt là ở cấp vùng, tăng cường liên kết nội vùng và ngoại vùng, giữa các hệ thống đô thị trong vùng, giữa

các vùng trong một lưu vực sông... Đầu tư để tăng khả năng chống chịu hoặc thích ứng với BĐKH sẽ là trọng tâm của con đường PTBV. Hiện nay là thời điểm phù hợp để Việt Nam xem xét lại con đường phát triển của mình theo hướng tăng trưởng bền vững, hoà nhập và chống chịu với BĐKH từ nay đến năm 2030.

3. Phát triển ngành năng lượng đa dạng, sạch và an toàn, cung cấp đủ lượng năng lượng cho một nền kinh tế đang phát triển trong khi giảm đến mức tối thiểu tác động tới môi trường và phát thải khí nhà kính.

Các chính sách năng lượng được áp dụng tại Việt Nam trong những năm tới sẽ quyết định hướng phát triển của ngành năng lượng và các vấn đề liên quan đến an ninh năng lượng, ô nhiễm không khí, và lượng phát thải khí nhà kính.

Các giải pháp phát triển ngành năng lượng cần tập trung theo hướng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế tới mức tối đa sử dụng nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối mà Việt Nam có tiềm năng cao.

4. Tăng cường thể chế, chính sách nói chung và về bảo vệ môi trường nói riêng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế là điểm mấu chốt.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy để có sự tăng trưởng bền vững cần có các chính sách, chiến lược mà không đưa đất nước đi vào một con đường có những tác động bất lợi không thể đảo ngược, thay vào đó phải tối đa hóa lợi ích trong nước, đồng thời không gây ra các ngoại tác tiêu cực. Các chính sách cần thúc đẩy và khuyến khích những quyết định thông minh và đầu tư sáng tạo của khu vực tư nhân và nhà nước, tạo điều kiện tài trợ cho những chi phí phải trả trước để tăng trưởng bền vững.

Khi Việt Nam chuyển sang con đường bền vững với môi trường hơn để tăng trưởng kinh tế, sẽ có sự đánh đổi. Sự đánh đổi chủ yếu là phải trả trước những chi phí cho công nghệ mới và các biện pháp chính sách phục vụ tăng trưởng bền vững. Điều này sẽ mang lại lợi ích lâu dài và đem lại những phương án mở cho các



hình thức phát triển mới. Đi theo con đường PTBV trong 20 năm tới sẽ cho phép Việt Nam bảo vệ nguồn nước, không khí, đất đai và ĐDSH, sẽ có thể duy trì các dịch vụ hệ sinh thái và cải thiện chất lượng cuộc sống. Việt Nam cũng sẽ có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về năng lượng và lương thực. Đồng thời, Việt Nam có thể thực hiện đầy đủ các cam kết của mình để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, thích ứng BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính.

Vì vậy, tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường, tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với BĐKH theo hướng bảo đảm tính hệ thống, tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng mục tiêu trước mắt và lâu dài, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với xu hướng quốc tế và từng giai đoạn phát triển của đất nước phải là một trọng tâm mang tính đột phá.

5. Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV của LHQ phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước và xu hướng hội nhập

Kế hoạch cần được xây dựng dựa trên sự đổi mới về tư duy một cách sâu sắc và toàn diện, đặc biệt ở đội ngũ lãnh đạo và quản lý các cấp (tư duy chiến lược, hệ thống, sáng tạo, đổi mới...).

Cơ sở để xây dựng Kế hoạch không chỉ dựa trên các chiến lược, chính sách hiện hành (như vẫn thường làm), mà còn phải dựa trên thực tế phát triển, đặc biệt là những tồn tại, yếu kém, thách thức và những bài học kinh nghiệm trong thời gian qua. Theo đó: trong Kế hoạch cần có phần đánh giá khái quát một cách nghiêm túc và khách quan những thành tựu, tồn tại, yếu kém, nguyên nhân, thách thức và bài học kinh nghiệm cho PTBV hiện nay. Mặt khác cần có sự tham gia thực sự của tất cả các bên (các thành phần xã hội), đặc biệt là của doanh nghiệp và cộng đồng (cộng đồng khoa học và cộng đồng dân cư).

Kế hoạch phải mang tính kế thừa và phải có lộ trình thực hiện hiệu quả và cần được xây dựng để có thể tích hợp vào các kế hoạch dài

hạn và ngắn hạn của quốc gia cũng như của các Bộ ngành và địa phương, trước mắt cũng như lâu dài để triển khai trong thực tế.

Trong thực hiện, cần làm rõ cơ chế phối hợp thực hiện, theo chiều dọc: i) không gian (địa phương-vùng-quốc gia-quốc tế) và ii) thời gian (quá khứ-hiện tại-tương lai); theo chiều ngang (giữa các bộ, ngành, vùng, địa phương).

Trong các nhóm giải pháp thực hiện cần nhấn mạnh: i) Giải pháp xây dựng năng lực (đặc biệt là năng lực phối hợp, giám sát và thực thi); ii) Giải pháp KH-CN (đề nâng cao năng lực sáng tạo và đột phá), và iii) Giải pháp quản lý/quản trị (Quản lý dựa trên kết quả, đặc biệt là cần xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế cung cấp và chia sẻ thông tin, và hệ thống giám sát đánh giá - công cụ đặc lực cho quản lý) [2].

#### 4. Kết luận

Trong hai mươi năm qua, đặc biệt là 10 năm gần đây, Việt Nam đã tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua nhiều thách thức khó khăn thực hiện PTBV đất nước và đã đạt được những thành tựu đáng kể và rất quan trọng về kinh tế, xã hội và môi trường.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, trong thực thi PTBV cũng còn nhiều yếu kém, bất cập. Những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế còn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn hạn chế; lãng phí, thất thoát còn nhiều; hiệu quả đầu tư thấp. Tiêu hao nguyên liệu, năng lượng còn rất lớn. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa thật hợp lý và tiết kiệm. Các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, bội chi ngân sách, thâm hụt cán cân thương mại còn lớn, lạm phát còn cao. Môi trường sinh thái nhiều nơi bị ô nhiễm nặng.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều bất cập, một số mặt vẫn còn bức xúc; tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng; ùn tắc và tai nạn giao

thông còn nghiêm trọng; tham nhũng chưa bị đẩy lùi; chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo đại học và dạy nghề còn yếu kém và chậm được cải thiện; các bệnh viện bị quá tải, chất lượng dịch vụ y tế còn thấp.

Những hạn chế, yếu kém trên đây có phần do nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu.

Trong giai đoạn hiện nay, PTBV ở Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức lớn có tính chất toàn cầu: khủng hoảng tài chính, năng lượng, vấn đề an ninh lương thực, BĐKH cũng như những thách thức chủ quan khác của đất nước. Việt Nam với quyết tâm cao, tiếp tục giữ vững các cam kết quốc tế với quan điểm phát triển nhanh và bền vững, thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển kinh tế theo chiều sâu để tiến tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính thông qua nghiên cứu và áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả nền kinh tế, ứng phó với BĐKH, góp phần xóa đói giảm nghèo..., và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế một cách bền vững, để đưa đất nước tiến lên xứng tầm với tiềm năng vị thế của nó ở khu vực Đông Nam Á và Thế giới.

### Tài liệu tham khảo

- [1] UN, 2015. Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development.
- [2] Văn phòng Phát triển bền vững (Trương Quang Học chủ biên), 2016. Báo cáo “Nghiên cứu, rà soát 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc để đánh giá thực trạng và xác định các mục tiêu phù hợp, khả thi với điều kiện của Việt Nam, làm cơ sở cho việc quốc gia hóa các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu”.
- [3] Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016. Báo cáo Việt Nam – 2035.
- [4] Trương Quang Học và Hoàng Văn Thắng, 2013. Kinh tế xanh, con đường phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Tài nguyên thiên nhiên và Tăng trưởng xanh, Hà Nội, 22.11.2013: 3-13.
- [5] Komiyama, H., Takeuchi, K.; Shiroyama, H., Mino, T., (Editors) 2011. Sustainability science: A Multidisciplinary approach. UN University Press. Tokyo - New York - Paris.
- [6] Sumi, A; Mimura, N; Masui, T., 2011. Climate change and Global Sustainability: A Holistic Approach. UN University Press. Tokyo-New York-Paris.
- [7] Trương Quang Học, 2012. VIỆT NAM: Thiên nhiên, Môi trường và Phát triển bền vững. Nxb, Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [8] Trương Quang Học, 2012. Việt Nam: Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Báo cáo Hội nghị quốc tế Việt Nam Học lần thứ IV. Hà Nội, 26-28.11.2012: 71-92.
- [9] Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2012. Thực hiện Phát triển bền vững ở Việt Nam. Báo cáo quốc gia tại Hội nghị cấp cao của Liên Hợp Quốc về Phát triển bền vững (Rio+20).
- [10] Việt Nam: Một số điển hình về Phát triển bền vững. Báo cáo quốc gia tại Hội nghị cấp cao của Liên Hợp Quốc về Phát triển bền vững (Rio+20).
- [11] Chính phủ nước cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2015. Báo cáo quốc gia: Kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỹ của Việt Nam.
- [12] Chính phủ Việt Nam, 2011. Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.
- [13] Chính phủ Việt Nam, 2016. Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.
- [14] WB, 2013. The World Development Report 2013.
- [15] Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2010. Thông báo Quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu.
- [16] Bộ TN&MT, 2010. Báo cáo môi trường quốc gia 2010: Tổng quan môi trường Việt Nam. Hà Nội.

## Emerging Issues for Sustainable Development of Vietnam in the Context of Global Change

Truong Quang Hoc

*VNU Institute of Natural Resources and Environment Studies*

**Abstract:** For over 20 years of development towards sustainability, Vietnam has obtained certain achievements. However, these achievements do not match the country's potential: Development is unsustainable in all the three pillars: Economic, Social and Environmental. The year of 2015 was a turning point in the world's response to climate change and sustainable development: Four UN global agreements were adopted (Sendai Framework for Action on Disaster Risk Mitigation, Addis Ababa Action Plan, 2030 Agenda for Sustainable Development and the Paris Agreement). The important regional agreements are being developed and implemented (the Trans-Pacific Partnership (TPP) Agreement, ASEAN Community Formation ...). In this new context, besides opportunities, Vietnam faces many difficulties, challenges, especially in relation to the environment: Climate change increases, environmental and natural resource degradation; increase in demand for energy... On the basis of the reality analysis, opportunities and challenges of sustainable development in the context of global change and the country's innovation, the paper recommends a number of strategic solutions for solving problems relating to green growth, including: Innovative thinking; completing institutional policies; planning innovation; developing and operating a national database system; developing an interdisciplinary system/ an ecosystem-based approach to policy making and managing development; objective monitoring and developing an evaluation system to ensure full transparency in the social system; developing education-training and science technology/ innovation to create a new momentum for the development of the country, to develop and implement the National Action Plan for implementation of the UN 2030 Agenda for Sustainable Development.

*Keywords:* Sustainable development, climate change, green growth, Millenium developmental goals, 2030 Agenda.